

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày 04-6 -2019.

V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Đá.

2. Ông Nguyễn Tấn Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp "*Ly hôn và quyền nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Phương H, xã Phương B, huyện Phụng H, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Anh **Quách D**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Công Đ, thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 26/02/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Quách D được hai bên gia đình tổ chức đám cưới. Sau đó chị và ông Danh có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/3/2014. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến cự cãi nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đã ly thân 03 năm nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm, thăm hỏi nhau, hiện cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Quách Mộng N, sinh ngày 07/07/2011, hiện con đang sống cùng anh D, sau khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị thay đổi nội dung yêu cầu, đồng ý giao cháu N cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu được quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/4/2019 và tại các phiên hòa giải bị đơn anh Quách D trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Sau khi kết hôn chị T về gia đình anh sinh sống. Đến năm 2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu do thiếu trước hụt sau về kinh tế gia đình, nên xảy ra cự cãi nhau, chị T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Gia đình hai bên động viên hàn gắn nhưng chị T không đồng ý. Vợ chồng đã ly thân 03 năm nay, anh cũng ít tới lui thăm hỏi và cũng không liên lạc với vợ vì bận công việc làm ăn.

Nay chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì còn thương vợ, anh yêu cầu Tòa án hàn gắn cho vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:*

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự vắng mặt là bị đơn anh Quách D. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Đề nghị HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố Tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T được ly hôn với anh D; về con chung: giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung do không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con và bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn Phú L, huyện Thanh T nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Quách D, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 02 tuy nhiên phía bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX

căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố Tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh D.

[3] Tại phiên tòa chị T thay đổi một phần nội dung khởi kiện, đồng ý giao con chung cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, chị không cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị T không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi một phần nội dung khởi kiện của chị T.

- Về nội dung:

[4] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh D thống nhất hai người tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/3/2014. Lời trình bày của chị T và anh D phù hợp với tài liệu cung cấp là tờ Trích lục kết hôn số 298/TLKH-BS ngày 25/02/2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Lộc (BL 05) nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T, thời gian đầu hai vợ chồng sống chung hạnh phúc. Đến năm 2016, thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay là trên 03 năm. Sau khi ly thân thì hai vợ chồng mạnh ai nấy sống, không quan tâm, thăm hỏi lo lắng cho nhau. Anh D cũng thừa nhận đã ly thân trên 03 năm và anh cũng ít liên lạc, hỏi thăm nhau do anh bận làm ăn. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do cuộc sống của vợ chồng của chị T và anh D thường xuyên mâu thuẫn, hai vợ chồng đã ly thân 03 năm, trong thời gian ly thân cũng không hỏi thăm, liên lạc gì với nhau mà mỗi người tự lo cuộc sống riêng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án có tiến hành hòa giải đoàn tụ, nhưng chị T xác định không còn tình cảm với anh D và kiên quyết xin ly hôn với anh D nên mối quan hệ hôn nhân giữa hai người không thể hàn gắn được. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

[5] *Về con chung*: Chị T và anh D thống nhất có một con chung tên Quách Mộng N, sinh ngày 07/07/2011 hiện đang sống với anh D. Tại phiên tòa chị T đồng ý tiếp tục giao con cho anh D nuôi dưỡng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/4/2019 và tại các phiên hòa giải anh D đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Theo cháu Mộng N có nguyện vọng sống chung với mẹ vì thương và nhớ mẹ. Xét thấy, mặc dù cháu N có nguyện vọng được sống chung với mẹ, tuy nhiên hiện cháu N có cuộc sống ổn định và đang đi học ở bên gia đình anh D, còn chị T hiện làm công nhân may ở Bình Dương, một ngày chị làm việc 08 tiếng và tăng ca thêm 04 tiếng, một tháng chị làm hết 26 ngày nên không đảm bảo điều kiện tốt nhất để chăm sóc con chung nên việc chị T tự nguyện giao con chung cho anh D nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị T và anh D, giao cháu Quách Mộng N cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con cả chị T và anh D đều không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T và anh D thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Trần Thị T được ly hôn với bị đơn anh Quách D.

2. Về quyền nuôi con: Giao con chung tên Quách Mộng N, sinh ngày 07/07/2011 cho anh Quách D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008082 ngày 05/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, chị T đã nộp xong tiền án phí.

Bị đơn anh Quách D không phải chịu tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- UBNDTT Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Toàn